

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu
Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2010

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thông tin chung

Giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng 04/UBCK-GCN cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007

Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ 58/QĐ- SGDHCM cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập 11/UBCK-GCN cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 10 năm.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Đặng Thái Nguyên	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Đức Minh	Phó Chủ tịch (từ ngày 23 tháng 3 năm 2010)
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch (từ ngày 23 tháng 3 năm 2010)
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Chủ tịch (đến ngày 23 tháng 3 năm 2010)
Ông Trần Đắc Tài	Phó Chủ tịch (đến ngày 23 tháng 3 năm 2010)
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên
Ông Lê Trung Thành	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thôn	Thành viên
Bà Tạ Ngọc Phúc	Thư ký

Công ty Quản lý Quỹ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ngân hàng Giám sát Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Trụ sở Đăng ký Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được trình bày theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, mà báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động của Quỹ trong năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.


Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (TIẾP THEO)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Đặng Thái Nguyên, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập theo các Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 



Ông Đặng Thái Nguyên
Chủ tịch



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư đính kèm của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ duyệt phát hành vào ngày 14 tháng 2 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-291



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 2 năm 2011

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

B01-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
A.	TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3	22.444.292.332	42.261.461.047
120	2. Đầu tư chứng khoán	4	709.684.847.325	907.566.454.300
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	5	10.492.363.556	1.230.057.677
200	TỔNG TÀI SẢN		742.621.503.213	951.057.973.024
B.	NGUỒN VỐN			
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		2.996.307.633	7.585.536.657
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	6	596.023.111	605.788.831
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		48.000.000	48.000.000
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	1.285.480.022	2.845.042.241
318	4. Phải trả khác và trích trước	8	1.066.804.500	4.086.705.585
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		739.625.195.580	943.472.436.367
410	1. Vốn phát hành cho các nhà đầu tư		806.460.000.000	806.460.000.000
411	1.1 Vốn phát hành	9	806.460.000.000	806.460.000.000
420	2. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	10	(66.834.804.420)	137.012.436.367
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		742.621.503.213	951.057.973.024

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

B01-QĐT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chứng khoán theo mệnh giá (không bao gồm quyền mua cổ phiếu)	198.249.720.000	166.105.430.000

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

B02-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
A.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		58.301.774.394	175.088.579.751
11	1. Cổ tức được nhận		21.587.151.300	15.674.467.640
13	2. Lãi tiền gửi		2.037.774.396	9.894.906.242
14	3. Thu nhập bán chứng khoán		33.277.033.498	149.519.205.869
18	4. Thu nhập khác		1.399.815.200	-
30	II. Chi phí		20.070.139.420	23.196.778.533
31	1. Phí quản lý và thưởng hoạt động	13	16.747.449.240	19.332.685.505
32	2. Phí giám sát và lưu ký	13	678.503.523	700.510.103
33	3. Chi phí đại hội thường niên		765.416.750	1.185.857.610
34	4. Chi phí kiểm toán		248.844.750	210.778.854
38	5. Phí và chi phí khác	11	1.629.925.157	1.766.946.461
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong năm		38.231.634.974	151.891.801.218

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam **B02-QĐT**
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
B.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập		58.010.598.623	219.256.834.724
61	1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán		58.010.598.623	219.256.834.724
70	II. Chi phí		219.443.474.384	34.690.250.053
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán		219.443.474.384	34.690.250.053
80	III. (Lỗ)/lợi nhuận thuần chưa thực hiện trong năm		(161.432.875.761)	184.566.584.671
90	(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		(123.201.240.787)	336.458.385.889
	(Lỗ)/lãi trên một đơn vị quỹ	12	(1.528)	4.172

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

B05-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
1	Tiền gửi ngân hàng	22.444.292.332	42.261.461.047
2	Đầu tư chứng khoán	709.684.847.325	907.566.454.300
2.1	<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>679.935.829.500</i>	<i>835.432.454.300</i>
2.2	<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>23.081.200.000</i>	<i>52.719.500.000</i>
2.3	<i>Quyền mua cổ phiếu</i>	<i>6.667.817.825</i>	<i>19.414.500.000</i>
3	Cổ tức được nhận	2.451.894.000	1.210.803.500
4	Lãi được nhận	92.305.556	17.965.277
5	Tiền bán chứng khoán phải thu	7.948.164.000	1.288.900
Tổng tài sản		742.621.503.213	951.057.973.024
6	Phải trả hoạt động đầu tư	(596.023.111)	(605.788.831)
7	Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	(48.000.000)	(48.000.000)
8	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	(1.285.480.022)	(2.845.042.241)
9	Phải trả khác và trích trước	(1.066.804.500)	(4.086.705.585)
Tổng nợ phải trả		(2.996.307.633)	(7.585.536.657)
Giá trị tài sản ròng của Quỹ		739.625.195.580	943.472.436.367
Tổng số đơn vị quỹ		80.646.000	80.646.000
Giá trị của một đơn vị quỹ		9.171	11.699

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**B06-QĐT****Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Mã số	Chỉ tiêu	2010 VND	2009 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	943.472.436.367	687.660.050.478
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	(203.847.240.787)	255.812.385.889
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	(123.201.240.787)	336.458.385.889
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm	(80.646.000.000)	(80.646.000.000)
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	739.625.195.580	943.472.436.367

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

B07-QĐT

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2010 VNĐ	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2010 VNĐ	Tỷ lệ (%) trên tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết	19.217.572		679.935.829.500	91,56%
1	ACB	100	26.100	2.610.000	0,00%
2	BCI	444.160	31.300	13.902.208.000	1,87%
3	DIG	519.082	41.000	21.282.362.000	2,87%
4	DPM	1.007.470	38.000	38.283.860.000	5,16%
5	DPR	191.560	68.000	13.026.080.000	1,75%
6	FPT	613.973	64.500	39.601.258.500	5,33%
7	HAG	480.025	81.000	38.882.025.000	5,24%
8	HBC	438.460	42.000	18.415.320.000	2,48%
9	HPG	1.152.670	38.700	44.608.329.000	6,01%
10	HSG	734.452	19.600	14.395.259.200	1,94%
11	NTL	337.300	64.000	21.587.200.000	2,91%
12	PET	484.430	17.200	8.332.196.000	1,12%
13	PLC	779.976	37.000	28.859.112.000	3,89%
14	PVD	564.287	53.000	29.907.211.000	4,03%
15	PVX	868.500	22.000	19.107.000.000	2,57%
16	QCG	667.070	27.100	18.077.597.000	2,43%
17	SBT	808.120	13.500	10.909.620.000	1,47%
18	SC5	300.797	38.500	11.580.684.500	1,56%
19	SD5	424.200	44.500	18.876.900.000	2,54%
20	SJS	834.700	61.500	51.334.050.000	6,91%
21	SPM	526.000	57.500	30.245.000.000	4,07%
22	SSI	381.540	32.000	12.209.280.000	1,64%
23	TCM	1.936.665	23.500	45.511.627.500	6,13%
24	TTF	817.270	17.500	14.302.225.000	1,93%
25	TTP	358.000	33.600	12.028.800.000	1,62%
26	VC2	320.900	43.000	13.798.700.000	1,86%
27	VCB	316.529	32.500	10.287.192.500	1,39%
28	VCG	100.715	24.700	2.487.660.500	0,33%
29	VIS	385.900	31.600	12.194.440.000	1,64%
30	VNA	1.070.640	15.100	16.166.664.000	2,18%
31	VNM	403.310	86.000	34.684.660.000	4,67%
32	VST	543.171	11.800	6.409.417.800	0,86%
33	XMC	405.600	21.300	8.639.280.000	1,16%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

B07-QĐT

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2010 VNĐ	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2010 VNĐ	Tỷ lệ (%) trên tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
II	Cổ phiếu chưa niêm yết	607.400		23.081.200.000	3,11%
1	Tổng Công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	607.400	38.000	23.081.200.000	3,11%
III	Quyền mua cổ phiếu niêm yết (Thuyết minh 4)	688.329		6.667.817.825	0,90%
	VCB	286.529	7.425	2.127.477.825	0,29%
	XMC	401.800	11.300	4.540.340.000	0,61%
IV	Các tài sản khác			10.492.363.556	1,41%
1	Cổ tức được nhận			2.451.894.000	0,33%
2	Lãi được nhận			92.305.556	0,01%
3	Tiền bán chứng khoán phải thu			7.948.164.000	1,07%
V	Tiền gửi ngân hàng			22.444.292.332	3,02%
VII	Tổng giá trị danh mục			742.621.503.213	100%

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
 Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
 Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 10 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập.

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 8.000 tỷ đồng Việt Nam. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 80.646.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên mỗi đơn vị quỹ cho lần huy động vốn đầu tiên.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư chủ yếu bao gồm các doanh nghiệp có cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được quản lý nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho các khoản đầu tư của Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 58/QĐ-SGDHCM ngày 3 tháng 6 năm 2008.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, một Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Quỹ trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) được lập theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động;
- Báo cáo tài sản;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
- Báo cáo danh mục đầu tư; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ những điểm được nêu ở Thuyết minh số 2(f).

Các chính sách kế toán sau đây đã được Quỹ áp dụng một cách nhất quán trong năm.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKTVN 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

(e) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn.

(f) Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó, và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch này.

(iii) Đánh giá lại

Theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành, khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Các chứng khoán niêm yết được đánh giá lại theo giá thị trường của các chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các chứng khoán chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Cổ phiếu thưởng, cổ tức chia bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu được hạch toán như là các khoản đầu tư với giá trị ban đầu bằng không và được đánh giá lại bằng cách tham chiếu với giá thị trường của các cổ phiếu liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(i) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn rằng sẽ dùng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

(k) Vốn góp

Các đơn vị quỹ được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Lãi tiền gửi và thu nhập cổ tức

Lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản chi trả hình thành.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận theo cơ sở dồn tích. Tất cả các khoản chi phí được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc mua các khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào giá mua của khoản đầu tư đó.

(n) Lãi trên mỗi đơn vị quỹ và giá trị mỗi đơn vị quỹ

Quỹ trình bày lãi cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ (“EPU”) cho các đơn vị quỹ. Lãi cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ của Quỹ chia cho số đơn vị quỹ bình quân trong năm.

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số đơn vị quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(o) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ.

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho Quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền bằng đồng Việt Nam gửi tại các ngân hàng sau đây vào thời điểm cuối năm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	4.444.292.332	8.261.461.047
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	-	14.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	8.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	10.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	22.444.292.332	42.261.461.047
	<hr/>	<hr/>

4. Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như được trình bày trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2(f), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua	Lãi do	Giá thị trường
	VND	đánh giá lại	tại ngày
		VND	31/12/2010
			VND
Cổ phiếu niêm yết	765.098.512.471	(85.162.682.971)	679.935.829.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	23.245.820.700	(164.620.700)	23.081.200.000
Quyền mua cổ phiếu	-	6.667.817.825	6.667.817.825
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	788.344.333.171	(78.659.485.846)	709.684.847.325
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**B04-QĐT****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010****(tiếp theo)****5. Phải thu hoạt động đầu tư**

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ kinh doanh chứng khoán (*)	7.948.164.000	1.288.900
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	92.305.556	17.965.277
Cổ tức phải thu	2.451.894.000	1.210.803.500
	<hr/>	<hr/>
	10.492.363.556	1.230.057.677
	<hr/>	<hr/>

(*) Phải thu từ kinh doanh chứng khoán thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau ba ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

6. Phải trả hoạt động đầu tư

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Khoản đầu tư chờ thanh toán (*)	476.000.000	531.180.000
Phí môi giới phải trả	120.023.111	74.608.831
	<hr/>	<hr/>
	596.023.111	605.788.831
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản đầu tư chờ thanh toán thể hiện khoản phải trả cho việc mua các chứng khoán đầu tư được thanh toán sau ba ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phí quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	1.234.851.126	1.577.195.798
Phí thưởng hoạt động phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	-	1.204.758.611
Phí giám sát phải trả cho Ngân hàng Giám sát	50.628.896	63.087.832
	<hr/>	<hr/>
	1.285.480.022	2.845.042.241
	<hr/>	<hr/>

8. Phải trả khác và trích trước

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Thuế nhà thầu phải trả cho các khoản cổ tức trả cho các nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài	-	2.865.412.112
Cổ tức phải trả cho các nhà đầu tư có chứng khoán chưa lưu ký với Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM	83.040.000	115.500.000
Phí đại hội thường niên trích trước	747.875.000	634.875.000
Phí kiểm toán trích trước	235.889.500	215.658.300
Các phí trích trước khác	-	255.260.173
	<hr/>	<hr/>
	1.066.804.500	4.086.705.585
	<hr/>	<hr/>

9. Vốn phát hành

Vốn được duyệt tối đa của Quỹ là 8.000 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 800.000.000 đơn vị quỹ với mỗi đơn vị quỹ trị giá 10.000 đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số vốn được góp bởi các chủ đầu tư là 806.460 triệu đồng Việt Nam, tương đương 80.646.000 đơn vị quỹ (31/12/2009: 806.460 triệu đồng Việt Nam, tương đương 80.646.000 đơn vị quỹ).

Không có biến động vốn phát hành trong năm.

Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các đơn vị quỹ đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác như nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

10. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	137.012.436.367	(118.799.949.522)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	(123.201.240.787)	336.458.385.889
Cổ tức	(80.646.000.000)	(80.646.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	(66.834.804.420)	137.012.436.367

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2010, Đại hội nhà đầu tư thường niên đã thông qua quyết định phân phối cổ tức bổ sung cho năm 2009 và tạm ứng cổ tức cho năm 2010 cho các Nhà Đầu tư theo tỷ lệ lần lượt là 6% và 4%, của vốn phát hành dựa trên cơ sở Quỹ có lãi trong quý đầu của năm 2010. Tuy nhiên, do sự suy thoái chung của thị trường chứng khoán tại Việt Nam, Quỹ phát sinh khoản lỗ ròng trong năm là 123.201.240.787 VNĐ (2009: lợi nhuận ròng là 336.458.385.889 VNĐ) trong đó 38.231.634.974 VNĐ (2009: 151,891,801,218 VNĐ) là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã thực hiện và 161.432.875.761 VNĐ là lỗ thuần chưa thực hiện từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (2009 : lãi thuần chưa thực hiện là 184.566.584.671 VNĐ). Do đó Quỹ đã phát sinh lỗ lũy kế là 66.834.804.420 VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31 tháng 12 năm 2009: lợi nhuận chưa phân phối là 137.012.436.367 VNĐ). Căn cứ vào việc Quỹ vẫn có số dư tiền mặt lớn sau khi thanh toán cổ tức, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ tin rằng Quỹ có đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ của Quỹ khi đến hạn.

11. Phí và chi phí khác

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phí môi giới chứng khoán	828.327.921	900.343.388
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 13 (c))	312.000.000	312.000.000
Chi phí họp Ban Đại diện Quỹ	191.345.269	276.657.032
Chi phí khác	298.251.967	277.946.041
	<hr/>	<hr/>
	1.629.925.157	1.766.946.461

12. (Lỗ)/ lãi trên mỗi đơn vị quỹ

Lỗ trên mỗi đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được tính trên cơ sở lỗ của năm là 123.201.240.787 VNĐ (2009: lãi 336.458.385.889 VNĐ) và số đơn vị quỹ bình quân trong năm là 80.646.000 đơn vị quỹ (2009: 80.646.000 đơn vị quỹ).

13. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Quỹ có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

(a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ

	2010	2009
	VND	VND
Phí quản lý Quỹ	16.747.449.240	18.127.926.894
Phí thưởng hoạt động	-	1.204.758.611
	<hr/>	<hr/>
	16.747.449.240	19.332.685.505

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Phí thưởng hoạt động được tính vào cuối năm trên cơ sở phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm của Quỹ. Không có phí thưởng hoạt động nào được ghi nhận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 vì **các điều kiện không được thỏa mãn.**

(b) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), Ngân hàng Giám sát

	2010	2009
	VND	VND
Phí giám sát và lưu ký tài sản	678.503.523	700.510.103

Quỹ đã chỉ định ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) làm Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và phí lưu ký hàng tháng bằng một phần mười hai của không phải không tám phần trăm (0,08%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Trong đó, phí giám sát bằng một phần mười hai của không phải không hai phần trăm (0,02%) giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí lưu ký bằng một phần mười hai của không phải không sáu phần trăm (0,06%) giá trị tài sản ròng của Quỹ. Theo công văn số 12354/BTC-CST do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT là 10%.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**B04-QĐT****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010****(tiếp theo)****(c) Ban Đại diện Quỹ**

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên nào của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Tiền phụ cấp và các chi phí liên quan của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	312.000.000	312.000.000

(d) Các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác trên báo cáo tài chính, Quỹ còn có các giao dịch sau đây với các bên liên quan trong năm:

Bên liên quan	Giao dịch	2010	2009
		VNĐ	VNĐ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”)	Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại Sacombank	10.000.000.000	483.000.000.000
	Rút tiền gửi có kỳ hạn tại Sacombank	25.000.000.000	618.000.000.000
	Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Sacombank	36.441.666	3.016.756.987

14. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

STT	Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2009
I Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư			
1	Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	95,56%	95,43%
2	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	94,67%	93,39%
3	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	91,56%	87,85%
4	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	3,11%	5,54%
5	Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,90%	2,04%
6	Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	3,02%	4,44%
7	Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	(13,89%)	37,82%
8	Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	2,70%	2,44%
II Các chỉ số thị trường			
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trên thị trường (đơn vị quỹ)	80.646.000	80.646.000
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên Công ty quản lý Quỹ	0,075%	0,073%
3	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư nước ngoài	39,36%	39,54%
4	Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ (VNĐ)	9.171	11.699

15. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 14 tháng 2 năm 2011.

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc